UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3615 /QĐ-SXD	*Quảng Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức ngân sách Nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4151/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4655/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công tỉnh Quảng Bình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 88a /QĐ-SXD ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Sở Xây dựng về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Xây dựng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Xây dựng Quảng Bình (*theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu VT, VP.	**GIÁM ĐỐC** CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG BÌNH **Lê Anh Tuấn**

Đơn vị Đơn vị: Sở Xây dựng Quảng Bình
Chương: 419

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao/thu trong năm
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	3.200
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.670
3	**Số thu được để lại theo quy định**	**1.530**
	Trong đó: - *Cân đối thu – chi NSNN, kinh phí TX* - 40% dự phòng cải cách tiền lương	418 612
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.957**
1	**Chi quản lý hành chính**	**5.957**
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.149**
	Trong đó: - Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương *- Cân đối thu – chi NSNN, kinh phí TX* -	*97* *418*
	- Quỹ lương và chi thường xuyên theo định mức	4.788
	- Hợp đồng theo NĐ 68/2020/NĐ-CP và 161/2018/NĐ-CP	361
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**808**
	- Ban chỉ đạo: Xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách	50
	-Chỉ số giá XD hàng năm, đơn giá nhân công, ca máy thiết bị thi công	500
	- Kinh phí đào tạo	58
	-Kinh phí bổ sung thường xuyên	200
1.3	**Kinh phí đầu tư công**	**1.350**
1.4.	**Kinh phí Quy hoạch**	**9.019**
1.5	**Kinh phí quy hoạch nguồn vượt thu ngân sách**	**22.928**